

Bản án số: 72/2021/HS-ST
Ngày 28 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Phúc Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Phú H, sinh năm 1963 tại xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú H1 (c) và bà Từ Thị H2; có vợ và 3 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2021 đến nay. “có mặt”

Bị hại:

1. Hợp tác xã nông nghiệp L, huyện Ph, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu H4, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết H5, Giám đốc

2. Ông Từ Tất C, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội

3. Ông Nguyễn Chí Tr, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội

4. Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội

5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu tập thể T, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn , xã L, huyện Ph, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/4/2006 UBND huyện Ph có quyết định số 295/QĐ-UB về việc công nhận bộ máy quản lý của Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp Đ đồng thời bổ nhiệm Nguyễn Phú H giữ chức vụ chủ nhiệm HTX. Ngành nghề kinh doanh chính của HTX Đ bao gồm dịch vụ thủy nông – bảo vệ đồng ruộng – thực vật, dịch vụ khuyến nông - giống lúa – điện – quản lý bến bãi và dịch vụ vật tư nông nghiệp – tín dụng nội bộ. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ thu tiền điện, HTX Đ có trách nhiệm đi thu tiền điện của các xã viên.

Trong thời gian làm Chủ nhiệm HTX Đ, do kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều nên Nguyễn Phú H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

1. Anh Giang Văn C1 (hợp đồng miệng với HTX Đ) là tổ trưởng tổ thu tiền điện thôn 1 của HTX Đ. Sau khi thu được tiền sử dụng điện của các xã viên thôn 1, ngày 27/8/2008, anh C1 đến HTX Đ để nộp tiền điện tháng 8/2008 vào quỹ của HTX. Do không có kế toán và thủ quỹ ở đó nên anh C1 đã đưa số tiền 9.500.000đồng cho Nguyễn Phú H để nhờ H nộp số tiền này vào quỹ của HTX. H nhận tiền và viết giấy nhận ngày 27/8/2008, nội dung thể hiện nhận tiền điện tháng 8/2008 của anh C1 số tiền 9.500.000đồng. Sau khi nhận tiền, H không nộp vào quỹ của HTX mà sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân.

2. Anh Đỗ Thế P (hợp đồng miệng với HTX Đ) là tổ trưởng tổ thu tiền điện thôn 2 của HTX Đ. Sau khi thu được tiền sử dụng điện của các xã viên thôn , ngày 29/8/2008, anh P có đến HTX Đ để nộp tiền điện tháng 8/2008 vào quỹ của HTX. Do không có kế toán và thủ quỹ ở đó nên anh P đã đưa số tiền 6.100.000đ cho Nguyễn Phú H để nhờ H nộp số tiền này vào quỹ của HTX. H nhận tiền và viết giấy biên nhận ngày 29/8/2008, nội dung thể hiện nhận tiền điện tháng 8/2008 của anh P số tiền 6.100.000đ. Sau khi nhận tiền, H không nộp vào quỹ của HTX mà sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân.

Do mất khả năng trả nợ nên vào tháng 10/2008 Nguyễn Phú H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Mục đích trốn để cắt đứt liên lạc và trốn tránh việc trả nợ. Như vậy tổng số tiền H chiếm đoạt của HTX Đ là 15.600.000đồng.

Ngoài các hành vi trên, Nguyễn Phú H còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như sau:

1. Nguyễn Phú H và ông Nguyễn Chí Tr, ở Thôn 1, xã L, huyện Ph có quan hệ bạn bè và là hàng xóm. Ngày 21/5/2008, H vay của ông Tr số tiền là 50.000.000đồng để làm ăn. Do là bạn bè nên ông Tr tin tưởng và cho H vay tiền. Nguyễn Phú H có viết giấy vay tiền cho ông Tr. 2 tháng sau, H tiếp tục vay thêm 30.000.000đồng của ông Tr để mở rộng quy mô trang trại và mua thêm con giống. Hai bên thỏa thuận 1 tháng sau sẽ trả đủ cả số nợ cũ và nợ mới cho ông Tr kể cả tiền gốc và tiền lãi. Do tin tưởng nên ông Tr tiếp tục cho H vay số tiền 30.000.000đồng. H viết giấy biên nhận vay tiền và hứa sẽ trả nợ đầy đủ và đúng hạn. Sau khi vay được tiền, H chi tiêu cá nhân hết số tiền đã vay của ông Tr. Đến thời hạn phải trả tiền vay, ông Tr đã nhiều lần đòi nợ nhưng H không có khả năng trả nợ.

2. Nguyễn Phú H và ông Nguyễn Đăng V ở thôn 9, xã L, huyện Ph có quan hệ họ hàng. Ngày 24/5/2008, H vay của ông Nguyễn Đăng V số tiền 50.000.000đ mục đích để làm ăn kinh tế, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 3%/tháng. H viết giấy vay tiền đưa cho ông V giữ. Sau khi vay được tiền, H không dùng số tiền đã vay được của ông V để làm ăn kinh tế mà chi tiêu cá nhân. Đến hạn trả nợ, ông V đã nhiều lần đòi nợ nhưng H không có khả năng thanh toán.

3. Nguyễn Phú H và bà Nguyễn Thị Th ở Khu tập thể T, xã Đ, huyện H, TP. Hà Nội có quan hệ bạn bè. Ngày 09/8/2008 Nguyễn Phú H vay của bà Th số tiền 70.000.000đồng mục đích để làm ăn. Do là bạn bè nên bà Th tin tưởng và cho H vay tiền. H viết giấy vay tiền cho bà Th, nội dung H vay của bà Th số tiền 70.000.000đ hẹn 15 ngày sau khi vay tiền sẽ trả đủ. Sau khi vay được tiền, H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến thời hạn trả nợ, bà Th đã nhiều lần đòi nợ nhưng H không có khả năng thanh toán.

4. Ngày 16/02/2008, Nguyễn Phú H làm hồ sơ vay vốn tín dụng 40.000.000đ của HTX Đ, thời hạn vay 6 tháng từ 16/2/2008 đến 18/8/2008, mục đích vay để chăn nuôi sản xuất. Sau khi vay được tiền, H đưa tiền cho bà M. Đến gần kỳ hạn phải trả, bà M đã đưa tiền cho H số tiền 40.000.000đ để H trả tiền cho HTX và thanh lý hợp đồng, nhưng H không trả nợ cho HTX mà đã sử dụng số tiền này vào mục đích chi tiêu cá nhân nên khi đến hạn, không có khả năng trả nợ.

5. Ngày 14/6/2007, ông Từ Tất C là xã viên của HTX Đ vay của quỹ tín dụng HTXNN Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi vay được tiền, ông C đã thanh toán được 04 tháng lãi gồm các tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2007 cho HTX. Ngày 02/10/2007, ông C mang tiền gốc và tiền lãi đến HTX để trả nợ và thanh lý hợp đồng tín dụng nhưng Kế toán và Thủ quỹ của HTX đi vắng, chỉ có H là chủ nhiệm HTX ở đó nên ông C đưa 06 tờ Đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ 100 USD, quy ra tiền Việt Nam đồng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho H để nhờ H nộp tiền trả nợ cho HTX. H nhận tiền và viết giấy nhận tiền. Sau khi nhận tiền của ông C, H đã sử dụng số tiền này vào mục đích chi tiêu cá nhân mà không trả nợ hộ ông C cho HTX.

Do mất khả năng trả nợ nên vào tháng 10/2008 Nguyễn Phú H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Mục đích trốn để cắt đứt liên lạc và trốn tránh việc trả nợ.

Ngày 29/01/2021, Cơ quan điều tra đã bắt truy nã đối với Nguyễn Phú H. Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 18/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Phú H về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 335 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Phú H từ 01 năm-01 năm 03 tháng tù về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; 05 năm-06 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt của cả 2 tội, buộc H phải chấp hành hình phạt chung 06 năm-07 năm 03 tháng tù. Không phạt hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho HTXNN L (HTX Đ cũ) số tiền 55.600.000đồng, ông Từ Tất C số tiền 10.000.000đồng, ông Nguyễn Chí Tr 80.000.000đồng, ông Nguyễn Đăng V số tiền 50.000.000đồng và bà Nguyễn Thị Th số tiền 60.000.000đồng. Ngoài ra còn đề xuất xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phú H khai:

1. Ngày 27/8/2008, anh Giang Văn C1 (hợp đồng miệng với HTX Đ) là tổ trưởng tổ thu tiền điện thôn 1 của HTX Đ đến trụ sở HTX Đ để nộp tiền thu của

các xã viên thôn 1 sử dụng tiền điện tháng 8/2008 vào quỹ của HTX. Do không có kế toán và thủ quỹ ở đó nên anh C1 đã đưa số tiền 9.500.000đồng cho Nguyễn Phú H là chủ nhiệm HTX Đ để nhờ H nộp hộ số tiền này vào quỹ của HTX. H nhận tiền nhưng không nộp hộ anh C vào quỹ của HTX mà sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân.

2. Ngày 29/8/2008, anh Đỗ Thế Ph (hợp đồng miệng với HTX Đ) là tổ trưởng tổ thu tiền điện thôn 2 của HTX Đ đến trụ sở HTX Đ để nộp tiền thu của các xã viên thôn 2 sử dụng tiền điện tháng 8/2008 vào quỹ của HTX. Do không có kế toán và thủ quỹ ở đó nên anh C1 đã đưa số tiền 6.100.000đồng cho Nguyễn Phú H là chủ nhiệm HTX Đ để nhờ H nộp hộ số tiền này vào quỹ của HTX. H nhận tiền nhưng không nộp hộ anh Ph vào quỹ của HTX mà sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân.

3. Ngày 21/5/2008, Nguyễn Phú H vay của ông Nguyễn Chí Tr, ở Thôn 1, xã L, huyện Ph vừa là bạn bè vừa là hàng xóm số tiền 50.000.000đồng để làm ăn. 2 tháng sau, H tiếp tục vay thêm 30.000.000đồng của ông Tr để mở rộng quy mô trang trại và mua thêm con giống. Sau khi vay được tiền, H chi tiêu cá nhân hết số tiền đã vay của ông Tr. Đến thời hạn phải trả tiền vay, ông Tr đã nhiều lần đòi nợ nhưng H không có khả năng trả nợ.

4. Ngày 24/5/2008, Nguyễn Phú H vay của ông Nguyễn Đăng V ở thôn 9, xã L, huyện Ph là hệ họ hàng số tiền 50.000.000đ để làm ăn kinh tế. Sau khi vay được tiền, H chi tiêu cá nhân. Đến hạn trả nợ, ông V đã nhiều lần đòi nợ nhưng H không có khả năng thanh toán.

5. Ngày 09/8/2008, Nguyễn Phú H vay của bà Nguyễn Thị Th ở Khu tập thể T, xã Đ, huyện H, TP. Hà Nội là chỗ quen biết số tiền 70.000.000đồng để làm ăn. Sau khi vay được tiền, H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến thời hạn trả nợ, bà Th đã nhiều lần đòi nợ nhưng H không có khả năng thanh toán.

6. Ngày 16/02/2008, Nguyễn Phú H vay vốn tín dụng 40.000.000đ của HTX Đ để chăn nuôi sản xuất. Sau khi vay được tiền, H đưa tiền cho vợ là bà Đỗ Thị M. Đến gần kỳ hạn phải trả, bà M đã đưa tiền cho H số tiền 40.000.000đ để H trả tiền cho HTX và thanh lý hợp đồng, nhưng H không trả nợ cho HTX mà đã sử dụng số tiền này vào mục đích chi tiêu cá nhân nên khi đến hạn, không có khả năng trả nợ.

7. Ngày 02/10/2007, ông Từ Tất C là họ hàng với Nguyễn Phú H, xã viên của HTX Đ đến HTX Đ để trả nợ tiền vay tín dụng của HTX nhưng Kế toán và Thủ quỹ đi vắng. Ông C đưa 06 tờ Đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ 100 USD, quy ra tiền Việt Nam đồng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho H để nhờ H nộp tiền

trả nợ cho HTX. H nhận tiền nhưng không trả cho HTX hộ ông C mà sử dụng số tiền này vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Do mất khả năng trả nợ nên vào tháng 10/2008, Nguyễn Phú H đã bỏ trốn khỏi địa phương, mục đích trốn để cắt đứt liên lạc và trốn tránh việc trả nợ.

Ngày 29/01/2021, Cơ quan điều tra đã bắt truy nã đối với Nguyễn Phú H.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian làm Chủ nhiệm HTX Đ (nay là HTXNN L), Nguyễn Phú H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của HTX Đ số tiền 15.600.000đồng là tiền của HTX Đ thu tiền điện của xã viên. Ngoài ra, từ tháng 10/2007-8/2008, H còn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của HTX Đ (nay là HTXNN L) số tiền 40.000.000đồng, của ông Từ Tất C số tiền 10.000.000đồng, ông Nguyễn Chí Tr số tiền 80.000.000đồng, ông Nguyễn Đăng V số tiền 50.000.000đồng và bà Nguyễn Thị Th số tiền 70.000.000đồng, tổng cộng 250.000.000đồng.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi đó của Nguyễn Phú H đã cấu thành tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật hình sự năm 1999 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 355 của Bộ luật hình sự năm 2015 và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt và quy định khác nhẹ hơn so với các tội tương ứng của Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo về các tội danh trên theo các điều luật của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo phạm nhiều tội và phạm tội 02 lần trở lên, vì vậy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, anh ruột bị cáo là Liệt sĩ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: HTXNN L (HTX Đ cũ) yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 56.000.000đồng, ông Từ Tất C yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000đồng, ông Nguyễn Chí Tr yêu cầu bồi thường số tiền 80.000.000đồng, ông Nguyễn Đăng V yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000đồng và bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của các bị hại, nên chấp nhận.

Bà Đỗ Thị M (vợ bị cáo H) đã tự nguyện bồi thường cho bà Th số tiền 10.000.000đồng và đã tự nguyện nộp 40.000.000đồng để bồi thường cho bị hại, nay không yêu gì đối với các số tiền này nên Tòa án không xem xét.

[3]. Đối với số tiền 40.000.000đồng do bà Đỗ Thị M tự nguyện nộp thay bị cáo để bồi thường cho bị hại nên cần giữ lại để bảo đảm thi hành án.

[4]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo về mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định.

[7]. Ông Đỗ Hữu D (Thôn 8, xã L, huyện Ph) khai đã nộp cho Nguyễn Phú H số tiền 80.000.000đồng là tiền sản trong 04 tháng nhưng không có giấy tờ gì, cũng không có ai làm chứng, biết nội dung sự việc. Nguyễn Phú H không thừa nhận việc ông D đã nộp tiền cho mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Nguyễn Phú H và Đỗ Hữu D nhưng không đạt kết quả. Do đó chưa đủ căn cứ để kết luận việc H có nhận tiền của ông D hay không.

[8]. Ông Nguyễn Phi T (Thôn T, xã D, huyện H, TP. Hà Nội) khai đã nộp tiền sản 20 năm cho Nguyễn Phú H đối với dự án VAC thuê thầu tại khu vực Th, xã L, huyện Ph, TP. Hà Nội số tiền khoảng gần 500.000.000đồng. Tuy nhiên ông T chưa cung cấp được giấy tờ xác nhận chứng minh về việc này. Sau khi phục hồi điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã nhiều lần gửi giấy mời yêu cầu ông T đến làm việc để điều tra làm rõ nội dung trên nhưng ông T đều vắng mặt. Cơ quan điều tra đã xác minh tại nơi đăng ký thường trú của ông T tại Thôn T, xã D, huyện H, TP. Hà Nội xác định ông T không có mặt ở địa phương, hiện tại đi đâu làm gì không rõ. Nguyễn Phú H không thừa nhận việc ông T đã nộp tiền sản 20 năm cho mình với số tiền khoảng 500.000.000đồng. Do ông T hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không thể tiến hành làm việc được,

không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền giữa ông T và Nguyễn Phú H nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ và không có cơ sở để chứng minh nội dung trên.

Khi nào làm việc được với ông Nguyễn Phi T và thu thập được đầy đủ tài liệu chứng cứ Cơ quan điều tra sẽ điều tra làm rõ và xử lý sau.

[9]. Đối với hợp đồng tín dụng 35.000.000đồng của ông Đỗ Thế Q, sinh năm 1962, HKTT: Thôn 2, xã L, huyện Ph, TP. Hà Nội vay vốn của HTX Đ.

Tài liệu, sổ sách của HTX Đ thể hiện: Ngày 3/10/2007 ông Đỗ Thế Q ký hợp đồng vay vốn tín dụng 40.000.000đồng với HTX Đ. Thời hạn vay 12 tháng từ 3/10/2007 đến 3/7/2008 lãi suất 1,25%, mục đích vay để sản xuất chăn nuôi. Ngày 3/12/2007 hợp đồng được thanh toán trước 5.000.000đ. Số dư nợ còn lại là 35.000.000đ. Đến hạn phải trả, HTX Đ đã làm việc với ông Đỗ Thế Q yêu cầu thanh toán khoản nợ còn lại của hợp đồng. Ông Q trình bày không vay hợp đồng ngày 3/10/2007, không biết ai đã thực hiện việc này. Cơ quan điều tra yêu cầu HTXNN L (HTX Đ cũ) cung cấp bản chính hợp đồng tín dụng trên nhưng hiện không còn lưu giữ. Vì vậy, không có mẫu so sánh để Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này. Khi nào có tài liệu sẽ điều tra làm rõ sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Phú H 01 (*một*) năm tù về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và 05 (*năm*) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội, buộc Nguyễn Phú H phải chấp hành hình phạt chung 06 (*sáu*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc Nguyễn Phú H phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Hợp tác xã nông nghiệp L (HTX Đ cũ) số tiền 55.600.000đ (năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Từ Tất C số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Chí Tr số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Đăng V số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Giữ lại số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) của bà Đỗ Thị M nộp thay bị cáo để bảo đảm thi hành án. (Số tiền này Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1052736.00000 của Chi cục Thi hành án huyện Ph ngày 25/8/2021)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Phú H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 12.780.000đ (*mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức Hiếu

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Công an huyện Phúc Thọ;
- Sở tư pháp TP. Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;